TÒA ÁN NHÂN DÂN **KHU VỰC 8 - THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh Pc**

Bản án số: 225/2026/HNGĐ-ST
Ngày 10 tháng 7 năm 2026
V/v: Ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 8 - THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hoàng Văn Long

Các Hội thẩm nhân dân: - Ông Lê Đăng Thiện

- Ông Lê Doãn Quế

- Thư ký phiên tòa: Bà Bùi Lê Anh Thơ – Thư ký Tòa án nhân dân Khu vực 8 - Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân Khu vực 8 - Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Đỗ Văn Hùng - Kiểm sát viên.

Ngày 10 tháng 7 năm 2026 tại trụ sở Tòa án nhân dân Khu vực 8 - Thanh Hóa, xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 05/2026/TLST-HNGĐ ngày 07 tháng 01 năm 2026 về việc *"Ly hôn"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 1016/2026/QĐXXST-HN ngày 22/6/2026, giữa các đương sự:

1. ***Nguyên đơn:*** Chị Nguyễn Thị HT; sinh năm: 2006.

CCCD số: 038306017990; cấp ngày: 11/8/2021; nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về trật tự xã hội.

Địa chỉ: Thôn Đông Sơn, xã Quý Lộc, tỉnh Thanh Hóa (Có mặt).

2. ***Bị đơn:*** Anh Lê Văn P; sinh năm: 1997.

CCCD số: 038097005276; cấp ngày: 11/8/2021; nơi cấp: Cục Cảnh sát QLHC về trật tự xã hội.

Địa chỉ: Thôn Hành Chính, xã Quý Lộc, tỉnh Thanh Hóa (Vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ngày 23 tháng 12 năm 2025 và các bản tự khai trong quá trình giải quyết vụ án, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị HT trình bày:

- Về quan hệ hôn nhân:

Chị Trang và anh Lê Văn P chung sống với nhau tự nguyện, có tổ chức lễ cưới theo phong tục địa phương và đã thực hiện đăng ký kết hôn theo quy định tại

UBND thị trấn Yên Lâm, huyện Yên Định (nay là xã Quý Lộc), tỉnh Thanh Hóa vào ngày 26/5/2025. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh Pc được một tháng thì phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do vợ chồng bất đồng quan điểm sống, thường xuyên cãi nhau, hai bên gia đình cũng đã hòa giải khuyên ngăn nhưng vẫn không giải quyết được mâu thuẫn, vợ chồng đã sống ly thân từ tháng 9 năm 2025 cho đến nay, không còn quan tâm tới nhau. Nay chị Trang xét thấy tình cảm vợ chồng không còn, mục đích hôn nhân không đạt được, không thể tiếp tục duy trì cuộc sống hôn nhân được nữa, nên chị Trang yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh Lê Văn P.

- *Về con chung:* Vợ chồng không có con chung nên không yêu cầu giải quyết.

- *Về tài sản chung và công nợ:* Chị Trang không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai và các đơn trình bày trong quá trình giải quyết vụ án, bị đơn anh Lê Văn P trình bày:

- *Về hôn nhân*: Anh P thống nhất với phần nội dung về việc đăng ký kết hôn như chị Trang trình bày là đúng thực tế. Trong quá trình vợ chồng chung sống được 3 tháng thì chị Trang bỏ về nhà mẹ đẻ để ở, vợ chồng ly thân từ tháng 10/2025, nay chị Trang yêu cầu được ly hôn thì anh P đồng ý ly hôn.

- *Về con chung:* Anh P xác nhận giữa anh và chị Trang không có con chung.

- *Về tài sản chung và công nợ:* Anh P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tiến hành 02 lần mở phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải nhưng anh P vẫn không có mặt để tham gia hòa giải. Do đó Tòa án đã ra quyết định đưa vụ án ra xét xử theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa:

Chị Nguyễn Thị HT vẫn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với anh Lê Văn P.

Đại diện Viện kiểm sát Khu vực 8 – Thanh Hóa tham gia phiên tòa phát biểu ý kiến:

Trong quá trình giải quyết vụ án, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký và Nguyên đơn đã tuân thủ đúng quy định của pháp luật, bị đơn không đến Tòa án để làm việc theo giấy triệu tập và thông báo của Tòa án là không thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ của người tham gia tố tụng. Về tố tụng Tòa án đã tuân thủ đúng các quy định về thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28, Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39. Về yêu cầu của người khởi kiện, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Luật Hôn nhân và gia đình để chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn; Về án phí đề nghị giải quyết theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và được thẩm tra tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng:

- *Về quan hệ pháp luật tranh chấp:* Chị Nguyễn Thị HT khởi kiện yêu cầu Tòa án giải quyết tranh chấp về ly hôn với anh Lê Văn P. Đây là tranh chấp về hôn nhân và gia đình thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án theo quy định tại khoản 1 Điều 28 của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- *Về thẩm quyền giải quyết vụ án:* Bị đơn anh Lê Văn P có nơi cư trú tại thôn Hành Chính, xã Quý Lộc, tỉnh Thanh Hóa. Căn cứ Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật tố tụng dân sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025), Tòa án nhân dân Khu vực 8 - Thanh Hóa có thẩm quyền giải quyết vụ án.

Bị đơn anh P có đơn xin xét xử vắng mặt, vì vậy Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự, xét xử vắng mặt đối với anh P.

[2] Về nội dung:

- *Về hôn nhân:* Nguyên đơn chị Nguyễn Thị HT và bị đơn anh Lê Văn P chung sống với nhau tự nguyện có đăng ký kết hôn vào ngày 26/5/2025 tại UBND thị trấn Yên Lâm, huyện Yên Định (nay là xã Quý Lộc), tỉnh Thanh Hóa, đây là hôn nhân hợp pháp. Quá trình chung sống vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân là do tính tình không hòa hợp, dẫn đến không còn tình cảm, hôn nhân không hạnh Pc, chị Trang và anh P đã sống ly thân từ tháng 10 năm 2025 cho đến nay, không còn quan tâm tới nhau, nay chị Trang yêu cầu được ly hôn với anh P, anh P cũng đồng ý ly hôn chị Trang.

Xét thấy mâu thuẫn giữa chị Trang và anh P đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích của hôn nhân không đạt được. Do đó Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 3 Điều 4 Nghị quyết số: 01/2024/NQ-HĐTP, ngày 16/5/2024 của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Trang, cho chị Trang được ly hôn với anh P là có căn cứ.

- *Về con chung:* Chị Trang và anh P xác nhận vợ chồng không có con chung, nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- *Về tài sản và công nợ chung:* Nguyên đơn, bị đơn không yêu cầu Tòa án giải quyết nên không xem xét.

- *Về án phí:* Nguyên đơn phải chịu án phí theo quy định.

- *Về quyền kháng cáo:* Chị Trang, anh P có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 51 và Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 1 Điều 28, Điều 35 và điểm a khoản 1 Điều 39; Điều 147; khoản 1 Điều 228; Điều 271 và 273 Bộ luật tố tụng dân sự 2015 (sửa đổi, bổ sung năm 2025); Điểm a khoản 5, Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu án phí, lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Về hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Nguyễn Thị HT.

Chị Nguyễn Thị HT được ly hôn anh Lê Văn P.

2. Về con chung: Chị Nguyễn Thị HT và anh Lê Văn P xác nhận vợ chồng không có con chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

3. Về tài sản chung và công nợ: Nguyên đơn chị Trang và bị đơn anh P không yêu cầu Tòa án giải quyết.

4. Về án phí: Chị Nguyễn Thị HT phải chịu 300.000 đồng *(ba trăm nghìn đồng)* án phí dân sự sơ thẩm. Xác nhận chị Trang đã nộp 300.000 đồng *(ba trăm nghìn đồng)* tiền tạm ứng án phí theo biên lai thu số: 0000107 ngày 07/01/2026 tại Thi hành án dân sự tỉnh Thanh Hóa, số tiền này được trừ vào số tiền án phí phải nộp, theo đó chị Trang đã thực hiện xong nghĩa vụ nộp án phí.

5. Về quyền kháng cáo: Chị Nguyễn Thị HT có mặt tại phiên tòa, có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ tuyên án; anh Lê Văn P vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được giao bản án hoặc bản án được niêm yết.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nơi nhận:
- VKSND cùng cấp;
- THADS tỉnh Thanh Hóa;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- UBND xã Quý Lộc;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TAND KHU VỰC 8
Y2U190726.TL.QDBA
912

Hoàng Văn Long